

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH**

**Ghi chú:**

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Quy chế sửa đổi” là nội dung **màu đỏ**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP là Nghị định ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do sửa đổi
<b>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</b>	
<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b>	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b>	
<p>1. Quy chế quản trị Công ty Quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám Đốc và người điều hành khác, đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các Cổ đông và/hoặc các</p>	<p>1. <b>Phạm vi điều chỉnh:</b> Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>2. <b>Đối tượng áp dụng:</b> Quy chế này được áp dụng cho các thành</p>	<p>- Chính sửa nội dung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng</p>

<p>thành viên không phải là cổ đông nhưng có tham gia vào việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty.</p>	<p>viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.</p>	
<p><b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b></p>	<p><b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b></p>	
<p>1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. Quản trị Công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;</li> <li>- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</li> <li>- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;</li> <li>- <u>Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;</u></li> <li>- Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.</li> </ul> <p>b. “Công ty” là Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.</p> <p>c. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ đang có hiệu lực của Công ty.</p> <p>d. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.</p> <p>e. “Cổ đông lớn” là cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp</u> từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.</p> <p>f. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.</p> <p>h. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức <u>được theo quy định Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và Khoản 17 Điều 4</u></p>	<p>1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý, <b>hiệu quả;</b></li> <li>- Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; <b>nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;</b></li> <li>- Bảo đảm quyền của cổ đông, <b>đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;</b></li> <li>- <b>Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;</b></li> <li>- <b>Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;</b></li> <li>- <b>Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.</b></li> </ul> <p>b. “Công ty” là Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh</p> <p>c. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ đang có hiệu lực của Công ty.</p> <p>d. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty.</p> <p>e. <b>"Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.</b></p> <p>f. <b>"Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chính sửa điểm a tham chiếu Điều 40 Luật Chứng khoán 2019</li> <li>- Chính sửa điểm g theo khái niệm về cổ đông lớn tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019</li> <li>- Cập nhật lại tham chiếu tại điểm h theo Luật hiện hành</li> <li>- Bổ sung điểm i đến điểm p cập nhật các khái niệm của Luật hiện hành</li> </ul>

Luật doanh nghiệp.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

**đốc, Kế toán trưởng;**

g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

h. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

i. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020;

k. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;

l. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

m. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" (sau đây gọi là "thành viên không điều hành") là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

n. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" (sau đây gọi là "thành viên độc lập") là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

o. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

p. "Người nội bộ" là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán;

<p><b>Điều 3. Quy chế quản trị Công ty</b></p>	<p><b>Điều 3. Quy chế quản trị Công ty</b></p>	
<p>Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế quản trị công ty. Quy chế quản trị công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị công ty. Quy chế này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. <u>Quy chế quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:</u></p> <p><u>a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (Phụ lục 1 đính kèm);</u></p> <p><u>b. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (Phụ lục 2 đính kèm);</u></p> <p><u>c. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị (Phụ lục 3 đính kèm);</u></p> <p><u>d. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp (Phụ lục 5 đính kèm);</u></p> <p><u>e. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Phụ lục 6 đính kèm);</u></p> <p><u>f. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác (Phụ lục 7 đính kèm);</u></p> <p><u>g. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên (Phụ lục 4 đính kèm).</u></p> <p><u>Ngoài ra, Quy chế quản trị công ty dẫn chiếu đến một số quy định trong Điều lệ Công ty; các quy chế, quy trình quản trị nội bộ của Công ty.</u></p>	<p>Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế quản trị công ty. Quy chế quản trị công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị công ty. Quy chế này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.</p>	<p>Không cần liệt kê ra vì mục lục đã có đủ các nội dung</p>
<p><b>CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ</b></p>	<p><b>CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ</b></p>	

<p><b>Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty</b></p> <p>Công ty hoạt động theo mô hình tổ chức quản lý sau:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.</p> <p>2. Hội đồng quản trị</p> <p>Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.</p> <p>4. Tổng giám đốc Công ty</p> <p>Tổng giám đốc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</p>	<p><b>Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty</b></p> <p>Công ty hoạt động theo mô hình tổ chức quản lý sau:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.</p> <p>2. Hội đồng quản trị</p> <p>Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.</p> <p>4. Tổng giám đốc Công ty</p> <p>Tổng giám đốc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</p>	
<p><b>CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG</b></p>	<p><b>CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG</b></p>	
<p><b>Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông</b></p>	
<p>1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều 16 và</p>	<p>1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều 16 và</p>	

Điều 17 Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;

d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua các hình thức khác như:

- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông trong Công ty.

f. Nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

g. Nghĩa vụ cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

và Điều 17 Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;

d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua các hình thức khác như:

- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông trong Công ty.

f. Nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

g. Nghĩa vụ cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ

<p>2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các nghị quyết đó vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p>	<p>phần.</p> <p>2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các nghị quyết đó vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p>	
<p><b>Điều 6. Trách nhiệm của cổ đông lớn</b></p>	<p><b>Điều 6. Trách nhiệm của cổ đông lớn</b></p>	
<p>1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.</p> <p>2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</p>	<p>1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.</p> <p>2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</p>	
<p><b>CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p>	<p><b>CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p>	
	<p><b>Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu</p>	<p>Bổ sung theo hướng dẫn tại khoản</p>

	<p>quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	1 Điều 2 Quy chế nội bộ về quản trị công ty mẫu
	<b>Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b>	Bổ sung theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 Quy chế nội bộ về quản trị công ty mẫu
	1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 2 Quy chế nội bộ về quản trị công ty mẫu
	Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc Đại hội đồng Cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 2 và khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty	Bổ sung theo khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty
	2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp	Bổ sung theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 2 Quy chế nội bộ về quản trị công ty mẫu
	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).</p>	Bổ sung theo điểm a khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty và khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp
<b>PHỤ LỤC 1</b>	3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự	



<b>Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b>	họp Đại hội đồng cổ đông	
Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	
<b>PHỤ LỤC 1</b> <b>Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</b>	4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	
1. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông <u>hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông</u> ; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và những yêu cầu khác đối với người dự họp.	a. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ <b>liên lạc</b> của cổ đông; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và những yêu cầu khác đối với người dự họp.	Tại thời điểm gửi thông báo chỉ có thể gửi theo địa chỉ liên lạc trên danh sách cổ đông
2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u> (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông,	b. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm <b>đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông</b> , đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <b>chậm nhất là hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông</b> (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được	Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ Công ty

<p>thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</li> <li>- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</li> <li>- Phiếu biểu quyết;</li> <li>- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</li> <li>- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</li> </ul>	
	<p><b>5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>Bổ sung theo hướng dẫn tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Quy chế nội bộ về quản trị công ty mẫu</p>
	<p>a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.</p> <p>b. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 22 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Bổ sung theo Điều 142 Luật Doanh nghiệp và Điều 22 Điều lệ công ty</p>
	<p><b>6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>Bổ sung theo hướng dẫn tại điểm e khoản 2 Điều 2 Quy chế nội bộ về quản trị công ty mẫu</p>
	<p>Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty</p>	<p>Bổ sung theo Điều 21 Điều lệ Công ty</p>

<p><b><u>PHỤ LỤC 1</u></b></p>	<p><b>7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p><b><u>Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u></b></p> <p>1. Để đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, cổ đông thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:</p> <p>a. Gửi giấy đăng ký dự họp hoặc giấy ủy quyền về địa chỉ ghi trong thông báo. Liên lạc trực tiếp qua số điện thoại liên hệ ghi trong thông báo.</p> <p>b. Các hình thức đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>a. Để đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, cổ đông thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi giấy đăng ký dự họp hoặc giấy ủy quyền về địa chỉ ghi trong thông báo. Liên lạc trực tiếp qua số điện thoại liên hệ ghi trong thông báo.</li> <li>- Các hình thức đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của pháp luật.</li> </ul> <p>c. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông phải mang theo Thẻ căn cước công dân <b>hoặc</b> Giấy chứng minh nhân dân <b>hoặc</b> Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.</p> <p>d. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>e. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã <b>tiến hành</b> biểu quyết <b>trước khi Cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng</b>.</p> <p>f. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một <b>thẻ biểu quyết, và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên</b></p>	<p>Chỉnh sửa phù hợp với Điều 25 Điều lệ công ty và thực tế khi tổ chức Đại hội</p>
<p><b><u>Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông</u></b></p> <p>1. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông phải mang theo Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.</p> <p>2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không</p>		

<p>thay đổi.</p> <p>4. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một <u>thẻ biểu quyết</u>, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội.</p>	<p>đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó. Thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội.</p>	
	<p>8. Điều kiện tiến hành</p>	<p>Bổ sung theo hướng dẫn tại điểm h khoản 2 Điều 2 Quy chế nội bộ về quản trị công ty mẫu</p>
	<p>a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>b. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>c. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng ba</p>	<p>Bổ sung theo Điều 25 Điều lệ Công ty</p>

	<p>mười (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất.</p> <p>d. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều 22 của Điều lệ này.</p>	
	9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung theo hướng dẫn tại điểm i khoản 2 Điều 2 Quy chế nội bộ về quản trị công ty mẫu
	<p>Nghị quyết về nội dung sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;</p> <p>b. Định hướng phát triển công ty;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p>	Bổ sung theo khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty
<b><u>PHỤ LỤC 1</u></b>	10.Cách thức bỏ phiếu	Bổ sung theo hướng dẫn tại điểm k khoản 2 Điều 2 Quy chế nội bộ về quản trị công ty mẫu
<b><u>Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u></b>		
1. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng cách giơ thẻ hoặc bỏ	Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng cách giơ thẻ hoặc	

<p>phiếu. Cụ thể về các cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.</p>	<p>bỏ phiếu. Cụ thể về các cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.</p>	
<p><b><u>PHỤ LỤC 1. Điều 7</u></b></p>	<p><b>11. Cách thức kiểm phiếu</b></p>	
<p>2. Cách thức kiểm phiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận kết quả;</li> <li>- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận kết quả;</li> <li>- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê.</li> </ul>	
	<p><b>12. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua</b></p>	
	<p>a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp hoặc thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử), trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</li> <li>- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</li> <li>- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</li> <li>- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của công ty;</li> <li>- Tổ chức lại, giải thể công ty;</li> <li>- Sửa đổi, bổ sung điều lệ.</li> </ul>	<p>Bổ sung theo khoản 3,4,5,6 Điều 25 Điều lệ Công ty</p>

	<p>b. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp hoặc thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử), trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty</p> <p>d. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.</p>	
<p><b><u>PHỤ LỤC 1. Điều 7</u></b></p>	<p>13. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p>	
<p><u>3. Công bố kết quả kiểm phiếu:</u> Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông.</p>	

<p><b><u>PHU LUC 1</u></b></p> <p><b><u>Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u></b></p>	<p><b>14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p>1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Quy chế này và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; Trường hợp này Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được coi là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>3. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính</p>	<p>a. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>- Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Quy chế này và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; Trường hợp này Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được coi là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>b. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>c. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính</p>	<p>Bỏ quy định nắm giữ liên tục trong ít nhất 06 tháng vì Luật Doanh nghiệp không quy định nữa</p>



<p>theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	<p>theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	
<p><b>PHỤ LỤC 1</b></p> <p><b>Điều 8. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p>	<p>a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>- Chương trình và nội dung cuộc họp;</li> <li>- Họ, tên chủ tọa và thư ký;</li> <li>- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</li> <li>- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</li> <li>- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</li> </ul>	<p>Bổ sung các nội dung theo Điều 28 Điều lệ Công ty</p>

<p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</li> <li>- Chữ ký của chủ tọa và thư ký. <b>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</b></li> </ul> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>b. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>c. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p><b>d. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin trong vòng 24h theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.</b></p>	
<p><b><u>PHỤ LỤC 1</u></b></p> <p><b><u>Điều 9. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</u></b></p>	<p><b>16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p>Công ty phải công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong vòng 24h theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Công ty phải công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong vòng 24 giờ theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
<p><b><u>PHỤ LỤC 1</u></b></p> <p><b><u>Điều 11. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</u></b></p>	<p><b>Điều 9. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</b></p>	

	<b>1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản</b>	
1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;	Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại <b>Khoản 2 Điều 25</b> Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;	Cập nhật lại dẫn chiếu
<b><u>2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</u></b>	<b>2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</b>	
<p>a) Chuẩn bị tài liệu:</p> <p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>❖ Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>- Mục đích lấy ý kiến;</li> <li>- Họ, tên, địa chỉ <u>thường trú</u>, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ <u>thường trú</u>, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của</li> </ul>	<p>a. Chuẩn bị tài liệu:</p> <p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>❖ Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>- Mục đích lấy ý kiến;</li> <li>- Họ, tên, địa chỉ <b>liên lạc</b>, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân <b>hoặc</b> Giấy chứng minh nhân dân <b>hoặc</b> Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ <b>liên lạc</b>, quốc tịch <b>hoặc</b> số Thẻ căn cước công dân <b>hoặc</b> Giấy chứng minh nhân dân <b>hoặc</b> Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết</li> </ul>	Chỉnh sửa các nội dung theo Điều 27 Điều lệ Công ty

<p>từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</li> <li>- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</li> <li>- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</li> <li>- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u></li> </ul> <p>b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng Văn bản</p> <p>Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>c) Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông</p> <p>Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông.</p> <p>Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>d) Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông</p> <p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p>	<p>của cổ đông;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</li> <li>- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</li> <li>- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</li> <li>- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</li> </ul> <p>b. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng Văn bản</p> <p>Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>c. Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông</p> <p>Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ <b>liên lạc đã</b> đăng ký của từng cổ đông.</p> <p>Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>d. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông</p> <p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p>	
--	--	--

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</li> <li>- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</li> </ul> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>e) Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>❖ <input type="checkbox"/> Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự <u>chứng kiến</u> của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <u>không phải là người điều hành doanh nghiệp</u>.</li> <li>❖ Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</li> <li>- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</li> <li>- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</li> <li>- Các vấn đề đã được thông qua;</li> <li>- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>người đại diện theo pháp luật của Công ty</u>, người kiểm phiếu và người</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</li> <li>- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</li> </ul> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>e. Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>❖ Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự <b>giám sát</b> của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <b>không nắm giữ chức vụ quản lý công ty</b>.</li> <li>❖ Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</li> <li>- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</li> <li>- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</li> <li>- Các vấn đề đã được thông qua <b>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng</b>;</li> </ul> </li> </ul>	
---	---	--

<p>giám sát kiểm phiếu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>❖ Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</li> </ul> <p>f) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông <u>đại diện ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết <b>chấp thuận</b>, trừ các quy định tại <b>Khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty</b> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>g) Thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải được công bố thông tin trong vòng 24h theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>h) Lưu tài liệu</p> <p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</li> <li>❖ Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</li> </ul> <p>f. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông <b>sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%)</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết <b>tán thành</b>, trừ các quy định tại <b>Khoản 9 Điều 26 Điều lệ Công ty</b> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>g. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải được công bố thông tin trong vòng 24 <b>giờ</b> theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>h. Lưu tài liệu</p> <p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
	<p><b>Điều 10. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến</b></p>	<p>Bổ sung theo khoản 4 Điều 2 Quy chế nội bộ về quản trị công ty mẫu</p>
	<p><b>1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến</b></p>	

	Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy chế này	Bổ sung tương tự quy định tại Điều 8
	2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	
	Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung theo điểm h khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty
	3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	
	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty
	4. Điều kiện tiên hành	
	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.	Bổ sung theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty
	5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	
	Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại khoản 9 Điều 8 Quy chế này	Bổ sung tương tự quy định tại Điều 8
	6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến	

	<p>Cách thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.</p> <p>Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại khoản 2 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử.</p>	Bổ sung theo thực tế khi tổ chức Đại hội
	7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến	
	<p>Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Ban kiểm phiếu sẽ ghi nhận kết quả kiểm phiếu từ hệ thống này.</p>	Bổ sung theo thực tế khi tổ chức Đại hội
	8. Thông báo kết quả kiểm phiếu	
	Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu	Bổ sung tương tự quy định tại Điều 8
	9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	
	Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự khoản 15 Điều 8 Quy chế này	Bổ sung tương tự quy định tại Điều 8
	10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	
	Công ty phải công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong vòng 24h theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Bổ sung tương tự quy định tại Điều 8
	<b>Điều 11. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với</b>	



	<b>trực tuyến</b>	
	Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 8 và Điều 10 Quy chế này.	Bổ sung tương tự các quy định ở Điều 8 và Điều 10
<b><u>CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u></b>	<b>CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	
<b><u>Điều 12. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị</u></b>	<b>Điều 12. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b>	Gộp Điều 12 và Điều 13 Quy chế hiện hành thành Điều 12 Quy chế sửa đổi
<p>1. Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>3. Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>4. Hội đồng quản trị thông qua việc Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.</p>	<p>Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty, cụ thể như sau:</p> <p><b>1. Thẩm quyền thông qua các quyết định đầu tư, giao dịch, hợp đồng:</b></p> <p>a. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>b. Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty, <b>trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</b></p> <p>c. Hội đồng quản trị thông qua việc Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <b>Khoản 1 Điều 167</b> Luật Doanh</p>	<p>Tham chiếu khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và bổ sung theo Điều 33 Điều lệ công ty</p>
<b><u>Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</u></b>		
1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ		

theo quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp:

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.

3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

4. Xây dựng Quy chế quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế quản trị Công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

nghiệp với giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.

**2. Quyền và nghĩa vụ khác của Hội đồng quản trị như sau:**

- a. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty
- b. **Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;**
- c. **Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;**
- d. **Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác, Trưởng, phó các đơn vị; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người điều hành đó; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.**
- e. **Giám sát và chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.**
- f. **Giải quyết các khiếu nại của công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó.**
- g. **Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, các quy chế, quy định quản lý nội bộ Công ty; quyết định thành lập công ty**

con, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- h. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- i. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty.
- j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- k. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- l. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại
- m. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- n. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng Cổ đông uỷ quyền;
- o. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- p. Quyết định giải pháp thị trường, tiếp thị, công nghệ;
- q. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động

	<p>thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>r. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>s. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu người điều hành cung cấp các thông tin, hồ sơ, tài liệu về sản xuất kinh doanh, tài chính mua sắm và sử dụng vật tư, hàng hóa, nhiên liệu;</p> <p>t. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Quy chế này.</p>	
<p><b>Điều 16. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 13. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</b></p>	
<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và Công ty.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty và các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>1. Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;</p> <p>3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;</p> <p>4. Báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty;</p> <p>5. Thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ</p>	<p>Khoản 1 đến 4 sửa phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 41 Luật Chứng khoán và Điều 159 Luật DN</p> <p>Bổ sung khoản 5,6,7,9,10 theo Điều 48 Điều lệ Công ty</p>

<p>người đại diện phần vốn góp của Công ty.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó;</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>8. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp quy định tại Điều 48 Điều lệ Công ty.</p> <p>11. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	
<p><b><u>Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị</u></b></p>	<p><b>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p>	
<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm chung tổ</p>	<p>Chủ tịch hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ quy</p>	<p>Bổ sung/ cập nhật dẫn chiếu đến</p>

<p>chức thực hiện mọi công việc của Hội đồng quản trị; điều khiển Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về công việc của mình;</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; việc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị; Đại hội đồng cổ đông; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Tổng giám đốc hoặc các người điều hành khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo;</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị; nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị theo dõi và đôn đốc quá trình thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>định tại Điều 156 Luật doanh nghiệp và khoản 3 Điều 35 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ sau:</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm chung tổ chức thực hiện mọi công việc của Hội đồng quản trị; điều khiển Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về công việc của mình;</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; việc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị; Đại hội đồng cổ đông; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Tổng giám đốc hoặc các người điều hành khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo;</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị; nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị theo dõi và đôn đốc quá trình thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>quy định liên quan tại Luật Doanh nghiệp/ Điều lệ Công ty</p>
<p><b>Điều 15. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền</b></p>	<p><b>Điều 15. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền</b></p>	

<p><u>1. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì việc ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>1. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Chỉnh sửa theo khoản 6 Điều 35 Điều lệ Công ty</p>
<p>2. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt.</p> <p>b. Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.</p> <p>c. Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và ủy quyền.</p> <p>d. Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>2. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt.</p> <p>b. Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.</p> <p>c. Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và ủy quyền.</p> <p>d. Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>- Không đổi</p>
	<p><b>Điều 16. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b></p>	<p>Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu</p>

<b>Điều 10. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị</b>	<b>1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</b>	
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 7 Thành viên. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.	
<b>Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</b>	<b>2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị</b>	
<p>Điều 10.</p> <p>2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính; lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính; <u>đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành/độc lập.</u></p> <p><u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</u></p> <p>3. Công ty cần hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p>	<p>a. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính; lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính. <b>Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</b></li> <li>- Công ty cần hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</li> </ul>	Bổ sung nội dung theo khoản 2 Điều 32 Điều lệ Công ty
<p>Điều 11.</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại <u>khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;</u></p>	<p>b. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại <b>khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</b></li> <li>- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong <b>quản trị</b> kinh doanh <b>hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh</b> của</li> </ul>	Sửa phù hợp với khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 30 Điều lệ công ty (đã sửa đổi)



<p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong <u>quản lý</u> kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;</p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác, nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là <u>vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu</u> của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; <u>không được là người có liên quan</u> của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.</p>	<p>Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác, nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác;</li> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị không được là <b>người có quan hệ gia đình</b> của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.</li> </ul>	
<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</p>	<p>c. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</p>	<p>Không đổi</p>
<p>Không có</p>	<p><b>d. Trong trường hợp Công ty có thành viên Hội đồng quản trị độc lập, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập như sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</li> <li>- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</li> <li>- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;</li> </ul>	<p>Bổ sung theo Khoản 2, khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;</li> <li>- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.</li> </ul> <p>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan</p>	
Không có	<p>e. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Chủ tịch Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch;</li> <li>- Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của cùng một (01) công ty.</li> </ul>	Bổ sung nội dung về tiêu chuẩn làm chủ tịch HĐQT cho phù hợp, nội dung lấy từ Điều 35 Điều lệ công ty
(Phụ lục 2) <b>Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</b>	<p>3. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</p>	
(Phụ lục 2)	a. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được <b>đưa vào tài liệu</b>	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp và

<p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu <b>10 (mười) ngày</b> trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. Trình độ học vấn;</p> <p>c. Trình độ chuyên môn;</p> <p>d. Quá trình công tác;</p> <p>e. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p> <p>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>h. Họ tên của cổ đông, nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p><u>Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).</u></p>	<p><b>họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu hai mươi một (21) ngày</b> trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>- Trình độ học vấn;</li> <li>- Trình độ chuyên môn;</li> <li>- Quá trình công tác;</li> <li>- Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác. <b>Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có);</b></li> <li>- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</li> <li>- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</li> <li>- Họ tên của cổ đông, nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</li> <li>- <b>Các thông tin khác (nếu có).</b></li> </ul>	<p>Điều 31 Điều lệ Công ty sửa đổi</p>
<p>(Phụ lục 2)</p>	<p>Bỏ</p>	<p>Bỏ do trùng với nội dung đã quy</p>

<p>2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.</p>		<p>định tại Khoản 1 Điều này</p>
<p>(Phụ lục 2)</p> <p>3. <u>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải thực hiện theo các biểu mẫu mà Công ty cung cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u></p>	<p><b>b. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 31 Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Điều lệ Công ty. Cụ thể, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải thực hiện theo các biểu mẫu mà Công ty cung cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</li> <li>- Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông</li> </ul>	<p>Sửa phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Lưu ý Luật Doanh nghiệp 2020 đã bỏ quy định về tiêu chí thời gian nắm giữ cổ phần liên tục của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.</p>

	<p>đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.</p>	
<p>(Phụ lục 2) <b>Điều 5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</b></p>	<p>4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p>	-
<p>(Phụ lục 2)</p> <p>Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị <u>phải</u> thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại <u>Điều 10 Quy chế này</u>. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.</p>	<p>Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát <b>có thể</b> thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại <b>khoản 1 Điều 16 Quy chế này</b>. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau <b>hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên</b>.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa phù hợp với Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. Bổ sung quy định về việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT có thể được tiến hành theo cách thức không phải phương thức bầu dồn phiếu.</li> <li>- Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan trong Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (sửa đổi)</li> </ul>
<p>(Phụ lục 2)</p> <p><b>Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b></p>	<p>5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và <b>bổ sung</b> thành viên Hội đồng quản trị;</p>	
<p>(Phụ lục 2)</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <u>Điều 11 Quy chế này</u>;</p> <p><u>b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06</u></p>	<p>a. <b>Đại hội đồng cổ đông</b> miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b>khoản 2 Điều 16 Quy chế này</b>;</li> <li>- Có đơn từ chức <b>và được chấp thuận</b>;</li> <li>- Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa theo Khoản 1 Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều 32 Điều lệ sửa đổi</li> </ul>

<p><u>tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng:</u></p> <p>c. Có đơn từ chức;</p> <p>d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	<p>trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.</p> <p>- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	
<p>(Phụ lục 2)</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</b></p> <p>- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p><b>c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a, b khoản này.</b></p>	<p>- Sửa theo Khoản 2 Điều 160 Luật Doanh nghiệp</p> <p>- Bổ sung theo Khoản 3 Điều 160 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Không có</p>	<p><b>d. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</b></p> <p>- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định.</p> <p>- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);</p> <p>Trừ các trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi</p>	<p>- Bổ sung theo khoản 2 Điều 140, khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp</p>

	<b>nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</b>	
(Phụ lục 2) <b>Điều 7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</b>	6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	
(Phụ lục 2) Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.	Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.	- Không đổi
	<b>7. Các thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</b>	Bổ sung theo hướng dẫn của Quy chế mẫu
(Phụ lục 2) Điều 4. 4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết (số lượng ứng viên phải bằng hoặc lớn số lượng thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để bầu cử tại cuộc họp), trong thời hạn 03 ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.	Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết (số lượng ứng viên phải bằng hoặc lớn số lượng thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để bầu cử tại cuộc họp), trong thời hạn 03 ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. <b>Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</b> Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.	Bổ sung, sửa đổi nội dung phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty (đã sửa đổi) và phù hợp với thực tế Doanh nghiệp.
	<b>8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>	Bổ sung theo hướng dẫn của Quy chế mẫu



Không có	a. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	- Bổ sung theo Khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
	b. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	- Bổ sung theo khoản 5 Điều 35 Điều lệ Công ty
<b>Điều 18. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 17. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b>	Bổ sung theo hướng dẫn của Quy chế mẫu
<p><u>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</u></p> <p><u>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</u></p>	<p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành</p>	Bổ sung, sửa đổi nội dung theo Điều 34 Điều lệ Công ty



<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>	<p>hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
<p><b>Không có</b></p>	<p><b>Điều 18. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị</b></p>	<p>Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu</p>
	<p><b>1. Số lượng cuộc họp tối thiểu</b></p>	
<p>(Phụ lục 3) <b>Điều 3. Quy định về cuộc họp đầu tiên</b></p>	<p>a. Quy định về cuộc họp đầu tiên</p>	<p>-</p>
<p>(Phụ lục 3) <b>Điều 4. Cuộc họp định kỳ và bất thường</b></p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất</p>	<p>Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất <b>và ngang</b></p>	<p>- Sửa phù hợp với Khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Điều lệ sửa đổi</p>

<p>triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>nhau</b> thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số <b>quá bán</b> để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.</p>	<p>b. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.</p>	<p>- Không thay đổi</p>
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.</p>	<p>c. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.</p>	<p>- Không thay đổi</p>
<p><b>Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>d. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	
<p><b>Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường</b></p>	<p>Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu</p>
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 <u>người điều hành</u> khác;</p>	<p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị <b>bất thường</b> khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập <b>Hội đồng quản trị</b>;</li> <li>- Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 <b>người quản lý</b> khác;</li> </ul>	<p>- Sửa phù hợp với khoản 3, khoản 4, Điều 157 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty</p>

<p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị <u>điều hành</u>;</p> <p>Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>	<p>- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>	
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; <u>người đề nghị</u> có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>b. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; <b>những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này</b> có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>- Sửa phù hợp với khoản 5 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và Khoản 4 Điều 30 Điều lệ mẫu - phụ lục số 01 ban hành kèm Thông tư .../2020/TT – BTC</p>
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của <u>Công ty kiểm toán độc lập</u> thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	<p>c. Trường hợp có yêu cầu của <b>tổ chức kiểm toán được chấp thuận</b> thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	<p>- Sử dụng thống nhất thuật ngữ “tổ chức kiểm toán được chấp thuận” theo thuật ngữ được sử dụng tại Luật chứng khoán</p>
<p>(Phụ lục 3)</p> <p><b>Điều 5. Thông báo họp Hội đồng quản trị</b></p>	<p>3. Thông báo họp Hội đồng quản trị</p>	<p>Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu</p>
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. <u>Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</u></p>	<p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. <b>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu biểu quyết của thành viên.</b></p>	<p>- Sửa phù hợp với khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp</p>

<p>Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>Thông báo mời họp <b>có thể</b> được gửi bằng <b>giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện</b> điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p>	
	<p>b. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên, <b>Tổng Giám đốc (trong trường hợp Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị)</b> như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa phù hợp với khoản 9 Điều 36 Điều lệ Công ty</p>
	<p><b>4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát</b></p>	
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>Thành viên Ban kiểm soát không phải là thành viên Hội đồng quản trị được tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, nhưng không được biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi Giấy mời hoặc thông báo mời họp kèm theo các tài liệu sử dụng tại các cuộc họp cho các Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa theo khoản 9 Điều 36 Điều lệ Công ty</p>
<p>(Phụ lục 3) <b>Điều 6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị</b></p>	<p>5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị</p>	
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) trở lên tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.\</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản 1 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì cuộc họp được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn <u>07</u> ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến</p>	<p>a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị <b>lần thứ nhất</b> được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị <b>tham dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</b></p> <p>b. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản 1 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì cuộc họp <b>phải</b> được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn <b>bảy (07)</b></p>	<p>- Sửa phù hợp với khoản 8, khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp</p>

hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	
(Phụ lục 3) <b>Điều 7. Cách thức biểu quyết</b>	6. Cách thức biểu quyết	
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>1. Các thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp khi được đa số các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến <u>hoặc hình thức tương tự khác</u>;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì dán kín được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị ít nhất 01 giờ trước giờ khai mạc và <u>phong bì đựng phiếu biểu quyết của thành viên đó được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</u></p>	<p>a. Các thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</li> <li>- Ủy quyền cho người khác đến dự họp <b>và biểu quyết</b> khi được đa số các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;</li> <li>- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, <b>bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác</b>;</li> <li>- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</li> <li>- <b>Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</b></li> </ul> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì <b>dán kín và phải</b> được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. <b>Phiếu biểu quyết chỉ</b> được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p><b>Trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến thì phải thực hiện theo quy định tại Khoản 11 Điều 36 Điều lệ Công ty.</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa theo Khoản 9, Khoản 10 Điều 157 Luật Doanh nghiệp</li> <li>- Cuộc họp Hội đồng quản trị</li> </ul>
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>2. Một thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Hội đồng quản trị cho một người khác nếu sự ủy quyền đó nhận được sự đồng ý của đa số các thành viên Hội</p>	<p>b. Một thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Hội đồng quản trị cho một người khác nếu sự ủy quyền đó nhận được sự đồng ý của đa số các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đổi</li> </ul>

đồng quản trị.		
(Phụ lục 3) 3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;	c. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;	- Không đổi
(Phụ lục 3) 4. Theo quy định tại Khoản 5 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;	d. Theo quy định tại Khoản 5 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;	- Không đổi
(Phụ lục 3) 5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <u>Điểm a và Điểm b khoản 5 Điều 44 Điều lệ Công ty</u> được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;	e. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <b>điểm a và điểm b khoản 6 Điều 48 Điều lệ Công ty</b> được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;	- Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ Công ty (đã sửa đổi)
(Phụ lục 3) <b>Điều 8. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị</b>	7. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị	
(Phụ lục 3) Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết	a. <b>Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</b> b. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết	- Bổ sung điểm a theo Khoản 3 Điều 153 Luật Doanh nghiệp - Bổ sung điểm c theo khoản 16 Điều 36 Điều lệ Công ty - Bổ sung điểm d theo Khoản 4

<p>định.</p>	<p>trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>c. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p> <p>d. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.</p>	<p>Điều 153 Luật Doanh nghiệp</p>
	<p>8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu</p>
	<p>Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>(Phụ lục 3) <b>Điều 9. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị</b></p>	<p>9. Lập Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị</p>	
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước</p>	<p>a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>- Sửa theo khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp</p>



<p>ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích, chương trình và nội dung hợp;</p> <p>c. Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>- Mục đích, chương trình và nội dung hợp;</li> <li>- Thời gian, địa điểm họp;</li> <li>- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</li> <li>- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</li> <li>- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</li> <li>- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</li> <li>- Các vấn đề đã được thông qua <b>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</b></li> <li>- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, <b>trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này.</b></li> </ul>	
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>2. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>b. Chủ tọa, người ghi biên bản <b>và những người ký tên trong biên bản</b> phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>- Sửa theo khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>c. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>- Không thay đổi</p>
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung trong biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p>d. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung trong biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p>- Không thay đổi</p>



tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.		
(Phụ lục 3) 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. <u>Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</u>	e. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.	- Bỏ một số nội dung do trùng lặp với phạm vi quy định tại khoản này
	10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị	
Không có	Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Trường hợp này, biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.	- Bổ sung quy định phù hợp phù hợp với khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp
Điều 17. 2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	Bỏ	- Bỏ do trùng lặp nội dung với các khoản khác trong khoản này
(Phụ lục 3) <u>Điều 10. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản</u>	11. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	-

<p>(Phụ lục 3)</p> <p>1. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị bằng phiếu lấy ý kiến về một số lĩnh vực hoạt động. Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung sau:</p> <p>a. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>b. Vấn đề cần lấy ý kiến;</p> <p>c. Phương án biểu quyết: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>d. Thời hạn gửi lại phiếu lấy ý kiến;</p> <p>e. Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>hoặc</u> Thư ký Công ty, Thư ký HĐQT.</p>	<p>a. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị bằng phiếu lấy ý kiến về một số lĩnh vực hoạt động. Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích lấy ý kiến;</li> <li>- Vấn đề cần lấy ý kiến;</li> <li>- Phương án biểu quyết: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</li> <li>- Thời hạn gửi lại phiếu lấy ý kiến. <b>Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</b></li> <li>- Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị <b>và</b> Thư ký Công ty <b>hoặc</b> Thư ký HĐQT.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung quy định cụ thể hơn</li> <li>- Sửa đổi nội dung phù hợp với Luật Doanh nghiệp và hoạt động của công ty</li> </ul>
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>2. Phiếu lấy ý kiến được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị bằng một trong các hình thức sau:</p> <p>a. Bưu điện.</p> <p>b. Fax, email.</p> <p>c. Các hình thức khác không trái với quy định của pháp luật.</p>	<p>b. Phiếu lấy ý kiến được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị bằng một trong các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bưu điện.</li> <li>- Fax, email.</li> <li>- Các hình thức khác không trái với quy định của pháp luật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không thay đổi</li> </ul>
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị phải gửi lại phiếu lấy ý kiến trong thời hạn <u>chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến. Nếu sau 15 ngày các thành viên không có ý kiến trả lời (phiếu biểu quyết)</u> thì được coi là chấp thuận nội dung lấy ý kiến.</p>	<p>c. Thành viên Hội đồng quản trị phải gửi lại phiếu lấy ý kiến <b>đúng thời hạn ghi trên phiếu lấy ý kiến theo quy định tại điểm a khoản này.</b> Nếu hết thời hạn gửi lại phiếu lấy ý kiến mà các thành viên không có ý kiến trả lời (phiếu biểu quyết) thì được coi là chấp thuận nội dung lấy ý kiến.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi nội dung phù hợp với Luật Doanh nghiệp và hoạt động của công ty</li> </ul>

<p>(Phụ lục 3)</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trả lời mail về nội dung lấy ý kiến thay cho việc gửi lại phiếu biểu quyết, trong mail phải nêu rõ việc tán thành, không tán thành hay không có ý kiến đối với vấn đề lấy ý kiến.</p>	<p>d. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trả lời mail về nội dung lấy ý kiến thay cho việc gửi lại phiếu biểu quyết, trong mail phải nêu rõ việc tán thành, không tán thành hay không có ý kiến đối với vấn đề lấy ý kiến.</p>	<p>- Không thay đổi</p>
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>5. Thư ký có trách nhiệm tổng hợp và lập biên bản kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến, các tài liệu có liên quan đến việc lấy ý kiến, Nghị quyết Hội đồng quản trị được Thư ký lưu trữ tại trụ sở chính Công ty.</p>	<p>e. Thư ký có trách nhiệm tổng hợp và lập biên bản kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến, các tài liệu có liên quan đến việc lấy ý kiến, Nghị quyết Hội đồng quản trị được Thư ký lưu trữ tại trụ sở chính Công ty.</p>	<p>- Không thay đổi</p>
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>6. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định. Nghị quyết thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p>	<p>f. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định. Nghị quyết thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p>	<p>- Không thay đổi</p>
<p>(Phụ lục 3)</p> <p><b>Điều 11. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị</b></p>	<p>12. Thông báo Nghị quyết, <b>quyết định của Hội đồng quản trị</b></p>	<p>Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu</p>
<p>(Phụ lục 3)</p> <p>Nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>- Không thay đổi</p>
	<p><b>Điều 19. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</b></p>	<p>Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu</p>

<p><b>Không có</b></p>	<p>1. Hội đồng quản trị công ty có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên tiểu ban. Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT thực hiện theo Quy chế hoạt động của các từng tiểu ban (nếu có).</p>	<p>- Bổ sung quy định về các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị theo Điều 38 Điều lệ Công ty</p>
<p><b>Điều 19. Thư ký Công ty</b></p>	<p><b>Điều 20. Thư ký Công ty</b></p>	
<p>1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tuyển dụng một (01) hoặc một số người làm Thư ký Công ty.</p> <p>2. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty quy định tại u.</p>	<p>1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tuyển dụng một (01) hoặc một số người làm Thư ký Công ty.</p> <p>2. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty quy định tại <b>Điều 43 Điều lệ Công ty.</b></p>	<p>- Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ Công ty (đã sửa đổi)</p>
<p><b><u>Điều 20. Người phụ trách quản trị Công ty</u></b></p>	<p><b>Điều 21. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</b></p>	<p>Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu</p>
<p>2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho <u>Công ty kiểm toán độc lập</u> đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công</p>	<p>1. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho <b>tổ chức kiểm toán được chấp thuận</b> đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p>	<p>- Sử dụng thống nhất thuật ngữ “tổ chức kiểm toán được chấp thuận” theo thuật ngữ được sử dụng tại Luật chứng khoán</p>

ty và quyết định của Hội đồng quản trị.	c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.	
	<b>2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty</b>	Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu
<u>1. Trường hợp Công ty niêm yết, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm một người làm nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.</u>	Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.	- Sửa theo khoản 1 Điều 39 Điều lệ Công ty
<u>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.</u>	<b>3. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;</b> <b>Hội đồng quản trị miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp sau đây:</b>  - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;  - Có đơn từ chức và được chấp thuận;  - Không hoàn thành các công việc được giao;  - Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.  Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.	- Bổ sung nội dung về các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty  - Chuyển nội dung liên quan đến “bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty” lên khoản 1 Điều X+22 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty sửa đổi
Không có	<b>4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</b> <b>Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</b>	- Bổ sung quy định về Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

<p>4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>5. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>- Không đổi</p>
<p><b>CHƯƠNG VI: BAN KIỂM SOÁT</b></p>	<p><b>CHƯƠNG VI. BAN KIỂM SOÁT</b></p>	<p>-</p>
	<p><b>Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.</b></p>	<p>- Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu</p>
<p><b>Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b></p>	<p><b>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b></p>	<p>- Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu</p>
<p>Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:</p>	<p>Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <b>Điều 170</b> Luật doanh nghiệp và <b>Điều 46</b> Điều lệ Công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:</p>	<p>- Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty</p>

<p>1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.</p> <p>2. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>3. Ban kiểm soát có quyền đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông <u>phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</u></p> <p>4. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Điều 9 Quy chế này.</u></p>	<p>a. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.</p> <p>b. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>c. Ban kiểm soát có quyền đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông <b>danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</b></p> <p>d. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>Điều X Quy chế này.</b></p> <p><b>e. Ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua</b></p>	<p>- Sửa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 46 Điều lệ Công ty</p>
<p><b>Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên</b></p>	<p><b>2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát</b></p>	<p>Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu</p>
<p>1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động</p>	<p>a. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình</p>	<p>- Không đổi</p>

<p>của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.</p>	<p>hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.</p>	
<p>2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. <u>Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>b. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, <b>ng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b> và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Và các trách nhiệm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.</li> <li>- Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</li> <li>- Trường hợp phát hiện có Thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.</li> <li>- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.</li> </ul>	<p>- Sửa phù hợp với Khoản 1 Điều 173 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Không có</p>	<p>c. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát được quy định tại <b>khoản 4 Điều 45 Điều lệ Công ty.</b></p>	<p>- Bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của trưởng BKS, dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty</p>
<p><b>Điều 21. Số lượng, tiêu chuẩn Kiểm soát viên</b></p>	<p><b>Điều 23. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên</b></p>	



	<b>Ban kiểm soát</b>	
<p>1. Số lượng Kiểm soát viên ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 05 người. Thành phần, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. <u>Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty và có điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>1. Số lượng Kiểm soát viên ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 05 người. Thành phần, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát được quy định tại <b>Điều 45 Điều lệ Công ty.</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ Công ty</li> <li>- Bỏ quy định tại khoản 2 do trùng lặp với phạm vi tại Điều X+26 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty sửa đổi</li> </ul>
<p>(Phụ lục 4)</p> <p><b>Điều 3. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên</b></p>	<b>2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát</b>	
<p>(Phụ lục 4)</p> <p><u>1. Kiểm soát viên có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>a. Thành viên Ban kiểm soát có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</li> <li>- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</li> <li>- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;</li> <li>- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.</li> <li>- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;</li> <li>- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa phù hợp với Điều 169 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 37 Điều lệ mẫu - phụ lục số 01 ban hành kèm Thông tư .../2020/TT – BTC</li> </ul>

	- Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó	
(Phụ lục 4) 2. <u>Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp làm việc chuyên trách tại Công ty.</u>	b. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	- Sửa phù hợp với Khoản 2 Điều 168 Luật Doanh
(Phụ lục 4) <b>Điều 4. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</b>	<b>3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát</b>	
1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại các <u>Điều 4 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này.</u> 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, trong thời hạn 03 ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên biểu quyết thông qua. Danh sách ứng viên Kiểm soát viên sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.	a. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại <b>khoản 3 Điều 16 Quy chế này.</b> b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, trong thời hạn 03 ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên biểu quyết thông qua. <b>Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</b> Danh sách ứng viên Kiểm soát viên sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.	- Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty sửa đổi - Bổ sung nội dung phù hợp với khoản 2 Điều 44 Điều lệ Công ty
(Phụ lục 4) <b>Điều 5. Cách thức bầu Kiểm soát viên</b>	<b>4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát</b>	
Việc bầu Kiểm soát viên <u>phải</u> thực hiện theo phương thức <u>bầu dồn phiếu</u> tương tự việc bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại <u>Điều 5 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này.</u>	a. Việc bầu Kiểm soát viên <b>được</b> thực hiện theo phương thức tương tự việc bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại <b>Điều 16 Quy chế này.</b> b. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên	- Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty sử đổi - Bổ sung nội dung phù hợp với khoản 2 Điều 168 Luật Doanh

	<b>tắc đa số.</b>	ngiệp
(Phụ lục 4) <b>Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</b>	<b>5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát</b>	- Sửa theo khoản 1 Điều 174 Luật Doanh nghiệp
1. <u>Kiểm soát viên bị miễn nhiệm</u> trong các trường hợp sau đây: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <u>Điều 22 Quy chế này</u> ; <u>b. Không tham dự các cuộc họp của ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng</u> ; c. Có đơn từ chức; d. Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.	a. <b>Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm</b> Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"><li>- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <b>khoản 2 Điều này</b>;</li><li>- Có đơn từ chức <b>và được chấp thuận</b>;</li><li>- Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.</li></ul>	-
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; c. Theo <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông.	b. <b>Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên</b> trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"><li>- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</li><li>- <b>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng</b>;</li><li>- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</li><li>- <b>Trường hợp khác</b> theo <b>ng nghị quyết</b> Đại hội đồng cổ đông.</li></ul>	- Sửa theo khoản 2 Điều 174 Luật Doanh nghiệp
Không có	c. <b>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp số lượng thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Ban kiểm soát không đảm bảo</b>	- Bổ sung theo khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp

	<b>theo quy định.</b>	
<b>Điều 7. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</b>	<b>6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</b>	
Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên sẽ được công bố theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên sẽ được công bố theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	- Không đổi
<b>Điều 24. Cuộc họp của Ban kiểm soát</b>	<b>7. Cuộc họp của Ban kiểm soát</b>	
1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.	a. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên <b>Ban kiểm soát</b> . Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.	- Điều chỉnh cách diễn đạt
2. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.	b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.	- Không đổi
<b>Điều 25. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của Kiểm soát viên</b>	<b>8. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát.</b>	-
1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;	a. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;	- Không đổi
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và	b. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao	- Không đổi

chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;	và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;	
3. Tổng số lương, thù lao và các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng Kiểm soát viên được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	c. Tổng số lương, thù lao và các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng Kiểm soát viên được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	- Không đổi
<b>CHƯƠNG VII: BAN ĐIỀU HÀNH</b>	<b>CHƯƠNG VII. BAN ĐIỀU HÀNH</b>	-
<b>Điều 26. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp</b>	<b>Điều 24. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp</b>	-
<p>1. Bộ máy điều hành của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.</p> <p>2. Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại <u>khoản 2 Điều 18</u> của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b. Có năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong sản xuất kinh doanh điện.</p> <p>c. Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.</p> <p>d. Tổng giám đốc Công ty không được đồng thời là Tổng giám đốc của Công ty khác.</p> <p>3. Kế toán trưởng của Công ty phải có điều kiện và tiêu chuẩn sau:</p>	<p>1. Bộ máy điều hành của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.</p> <p>2. Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại <b>khoản 2 Điều 17</b> của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b. Có năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong sản xuất kinh doanh điện.</p> <p>c. Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.</p> <p>d. Tổng giám đốc Công ty không được đồng thời là Tổng giám đốc của Công ty khác.</p> <p>e. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật và</p>	- Cập nhật lại dẫn chiếu

<p>a. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;</p> <p>c. Thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán bậc trung cấp;</p> <p>d. Phải có chứng chỉ qua lớp bồi dưỡng kế toán trưởng.</p>	<p>Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Kế toán trưởng của Công ty phải có điều kiện và tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;</p> <p>c. Thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán bậc trung cấp;</p> <p>d. Phải có chứng chỉ qua lớp bồi dưỡng kế toán trưởng.</p>	
<p><b><u>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc</u></b></p>	<p><b>Điều 25. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc</b></p>	
<p>1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <b>Điều 39</b> Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Tổng giám đốc được quyết định các hợp đồng, giao dịch khác khi được Hội đồng quản trị ủy quyền.</p> <p>3. Phó Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, pháp luật trong việc quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Tổng</p>	<p>1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <b>Điều 42</b> Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Tổng giám đốc được quyết định các hợp đồng, giao dịch khác khi được Hội đồng quản trị ủy quyền.</p> <p>3. Phó Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, pháp luật trong việc quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của</p>	<p>- Cập nhật lại dẫn chiếu</p>

<p>Giám đốc.</p> <p>4. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc trong thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty.</p>	<p>Tổng Giám đốc.</p> <p>4. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc trong thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty.</p>	
<p><b><u>(Phụ lục 5) Điều 3. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người điều hành.</u></b></p>	<p><b>Điều 26. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc</b></p>	<p>Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu</p>
<p><u>1. Tiêu chuẩn làm Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc thực hiện theo Điều 26 Quy chế này.</u></p> <p><u>2. Tiêu chuẩn làm Kế toán trưởng thực hiện theo Điều 26 Quy chế này.</u></p>	<p><b>1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc</b></p> <p>a. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>b. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 24 Quy chế này.</p>	<p>Bổ sung nội dung theo khoản 3 Điều 42 Điều lệ Công ty</p>
	<p><b>2. Ứng cử, đề cử Tổng giám đốc</b></p>	<p>- Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu</p>
	<p>Thành viên Hội đồng quản trị có thể đề xuất ứng viên có tiêu chuẩn và điều kiện phù hợp để Hội đồng quản trị bổ nhiệm làm Tổng giám đốc công ty</p>	<p>- Bổ sung nội dung phù hợp với thực tế</p>
<p>Điều 4. Bổ nhiệm người điều hành</p>	<p><b>3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc</b></p>	<p>-</p>
<p>1. Bổ nhiệm Tổng giám đốc</p> <p>Hội đồng quản trị có trách nhiệm lựa chọn và bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty.</p> <p>2. Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</p> <p>Hội đồng quản trị sẽ ban hành các quy định chi tiết về bổ nhiệm</p>	<p>Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao và lợi ích khác.</p>	<p>- Bổ sung nội dung theo khoản 1 Điều 42 Điều lệ Công ty</p>

Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng.		
Điều 5. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm người điều hành	<b>4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc</b>	Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu
Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng sẽ bị miễn nhiệm khi: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại <b>Điều 25 Quy chế này</b> ; b. Có đơn từ chức; c. <b>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng khi có lý do vì lợi ích của Công ty tuy nhiên không được trái với các quy định của pháp luật.</b>	Tổng giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại <b>Khoản 1 Điều này</b> ; b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận; c. <b>Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế.</b>	- Chỉnh sửa nội dung theo khoản 7 Điều 42 Điều lệ Công ty
Điều 6. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành	5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc	-
Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Việc <b>bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng</b> Tổng giám đốc sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	- Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu
	<b>6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc</b>	- Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu
	a. <b>Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</b> b. <b>Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền lương của Tổng giám đốc được thể hiện</b>	- Bổ sung nội dung theo khoản 2, 3 Điều 41 Điều lệ Công ty



	thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	
	<b>CHƯƠNG VIII. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC</b>	-
<b>PHỤ LỤC 6: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH</b>	<b>Điều 27. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành</b>	-
<p>Điều 3. Nguyên tắc phối hợp</p> <p>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.</li> <li>2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.</li> <li>3. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch</li> <li>4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.</li> </ol>	<p>1. Nguyên tắc phối hợp</p> <p>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luôn vì lợi ích chung của Công ty.</li> <li>- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.</li> <li>- Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch</li> <li>- Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.</li> </ul>	- Giữ nguyên
	<b>2. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc</b>	- Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu
	<b>Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 18 Quy chế này.</b>	- Bổ sung nội dung phù hợp, Doanh nghiệp xem xét nội dung
	<b>3. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát</b>	- Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu

	Nghị quyết, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.	- Bổ sung nội dung phù hợp, Doanh nghiệp xem xét nội dung
	4. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc;	- Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu
	Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.	- Bổ sung nội dung phù hợp, Doanh nghiệp xem xét nội dung
	5. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;	- Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu
	<p>a. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT</p> <p>i. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Thành viên Ban kiểm soát không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;</li> <li>- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;</li> </ul> <p>ii. Tổng giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:</p>	- Bổ sung nội dung phù hợp, Doanh nghiệp xem xét nội dung

- Khi xét thấy các quyền của Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

- Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

- Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;

- Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

- Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và

	<p>báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</li> <li>- Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.</li> </ul>	
Điều 4. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành	6. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành	-
<p>1. Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.</p> <p>2. Định kỳ hàng tháng, quý và năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Tổng giám đốc không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị để cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự.</p>	<p>a. Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.</p> <p>b. Định kỳ hàng tháng, quý và năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Tổng giám đốc không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>d. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị để cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự.</p>	-
Điều 5. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát	7. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát	-
1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm	a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban	-

<p>soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các Kiểm soát viên trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Kiểm soát viên tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của người điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.</p> <p>6. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>7. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các Kiểm soát viên có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	<p>kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.</p> <p>b. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các Kiểm soát viên trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.</p> <p>c. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Kiểm soát viên tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.</p> <p>d. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của người điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.</p> <p>e. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.</p> <p>f. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>g. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các Kiểm soát viên có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	
<p>Điều 6. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành</p>	<p>8. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành</p>	<p>-</p>
<p>1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc các Kiểm soát viên tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.</p> <p>2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công</p>	<p>a. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc các Kiểm soát viên tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.</p> <p>b. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt</p>	<p>-</p>

<p>ty.</p> <p>3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên.</p> <p>4. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên được tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.</p> <p>5. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Ban điều hành đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho Kiểm soát viên cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>động của Công ty.</p> <p>c. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên.</p> <p>d. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên được tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.</p> <p>e. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>f. 6. Ban điều hành đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho Kiểm soát viên cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
	<p><b>9. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc;</b></p>	<p>- Bổ sung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu</p>
	<p><b>Căn cứ vào báo cáo của Tổng giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng giám đốc.</b></p>	<p>- Bổ sung nội dung phù hợp, Doanh nghiệp xem xét nội dung</p>
<p><b>PHỤ LỤC 7: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b></p>	<p><b>Điều 28. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác</b></p>	<p>-</p>
<p>Điều 4. Đánh giá hoạt động Hàng năm, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, Hội đồng quản trị tổ</p>	<p>1. Đánh giá hoạt động Hàng năm, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, Hội đồng quản trị tổ</p>	<p>-</p>

<p>chức đánh giá mức độ hoàn thành của Tổng giám đốc và người điều hành khác.</p> <p>Điều 5. Khen thưởng</p> <p>1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>2. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hằng năm. Khen thưởng cho các người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>3. Chế độ khen thưởng:</p> <p>a. Bằng tiền;</p> <p>b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).</p> <p>4. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và các nguồn hợp pháp khác.</p> <p>5. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.</p> <p>Điều 6. Xử lý vi phạm và kỷ luật</p> <p>1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.</p>	<p>chức đánh giá mức độ hoàn thành của Tổng giám đốc và người điều hành khác.</p> <p>2. Khen thưởng</p> <p>a. Hằng năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>b. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hằng năm. Khen thưởng cho các người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>c. Chế độ khen thưởng:</p> <p>- Bằng tiền;</p> <p>- Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).</p> <p>d. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và các nguồn hợp pháp khác.</p> <p>e. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.</p> <p>3. Xử lý vi phạm và kỷ luật</p> <p>a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm.</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.</p>	
--	--	--

<p><b>CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH</b></p>	<p><b>CHƯƠNG IX: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH</b></p>	<p>-</p>
<p><b>Điều 28. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp</b></p>	<p><b>Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp</b></p>	<p>-</p>
<p><u>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.</u></p> <p><u>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</u></p> <p><u>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</u></p> <p><u>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</u></p> <p><u>5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công</u></p>	<p><u>Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp được quy định theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và tại Điều 48 Điều lệ công ty.</u></p>	<p>- Dẫn chiếu theo Điều lệ Công ty</p>



<u>bổ của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</u>		
<b>Điều 29. Giao dịch với người có liên quan</b>	<b>Điều 30. Giao dịch với người có liên quan</b>	-
<p>1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.</p> <p>2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Công ty.</p> <p>3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.</p>	<p>1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.</p> <p>2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Công ty.</p> <p>3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.</p>	-
<b>Điều 30. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này</b>	<b>Điều 31. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này</b>	-
<p><u>1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp sau đây: Cổ đông là Công ty con trong trường hợp Công ty con là các Công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại Khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.</u></p> <p><u>2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:</u></p> <p>a) Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo</p>	<p><b>Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này được quy định tại Điều 48 Điều lệ Công ty</b></p>	- Dẫn chiếu theo Điều lệ Công ty

<p><u>nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ Công ty;</u></p> <p>b) Trường hợp pháp luật có quy định khác.</p> <p>4. <u>Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty không được thực hiện giao dịch sau:</u></p> <p>a) <u>Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</u></p> <p>b) <u>Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 10% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <u>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;</u></li> <li>- <u>Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</u></li> <li>- <u>Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.</u></li> </ul>		
<p><b>Điều 31. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty</b></p>	<p><b>Điều 32. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty</b></p>	<p>-</p>
<p>1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công ty theo quy định của pháp luật hiện</p>	<p>1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công ty theo quy định của pháp luật</p>	<p>-</p>

hành và Điều lệ Công ty. 2. Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.	hiện hành và Điều lệ Công ty. 2. Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.	
<b>CHƯƠNG IX: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	<b>CHƯƠNG X: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	-
<b>Điều 32. Nghĩa vụ công bố thông tin</b>	<b>Điều 33. Nghĩa vụ công bố thông tin</b>	-
<p><u>1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u></p> <p><u>2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và các nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.</u></p>	<p>Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường <b>theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty</b> nhằm đảm bảo cổ đông và các nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.</p>	- Chỉnh sửa vì nội dung cũ đang mang tính định tính và khó xác định được vi phạm nghĩa vụ trong trường hợp nào
<b>Điều 33. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Công ty</b> <u>1. Công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.</u> 2. Trong trường hợp Công ty thay đổi mô hình hoạt động, Công ty phải báo cáo ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 h kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.	<b>Điều 34. Công bố thông tin về mô hình <b>quản trị</b> Công ty</b> <b>1. Công ty phải công bố thông tin về mô hình tổ chức quản trị Công ty quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.</b> 2. Trong trường hợp Công ty thay đổi mô hình hoạt động, Công ty phải báo cáo ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.	-

<p><b>Điều 34. Công bố thông tin về quản trị Công ty</b></p> <p>Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p>	<p><b>Điều 35. Công bố thông tin về quản trị Công ty</b></p> <p>Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p>	-
<p><b>Điều 35. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc</b></p> <p><u>Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u></p>	<p><b>Điều 36. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc</b></p> <p>Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền lương của Tổng giám đốc được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	-
<p><b>Điều 36. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc</b></p> <p><u>Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 30 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:</u></p> <p><u>1. Các giao dịch giữa Công ty với Công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</u></p> <p><u>2. Các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.</u></p>	<p><b>Điều 37. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc</b></p> <p>Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 31 Quy chế này, Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p>	- Sửa đổi theo khoản 3 Điều 48 Điều lệ Công ty
<p><b>Điều 37. Tổ chức công bố thông tin</b></p> <p>1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn</p>	<p><b>Điều 38. Tổ chức công bố thông tin</b></p> <p>1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn</p>	-

<p>bản hướng dẫn.</p> <p>2. Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:</p> <p>a) Công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.</p>	<p>bản hướng dẫn.</p> <p>2. Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:</p> <p>a. Công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.</p>	
<p><b>CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b></p>	<p><b>CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b></p>	<p>-</p>
<p><b>Điều 38. Sửa đổi bổ sung</b></p> <p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p>	<p><b>Điều 39. Sửa đổi bổ sung</b></p> <p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định tại Quy chế này với quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành thì áp dụng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành.</p>	<p>Bổ sung Khoản 3 Điều 39 cho phù hợp thực tế.</p>
<p><b>Điều 39. Ngày hiệu lực</b></p> <p>1. Quy chế này gồm X chương, 39 Điều, 07 phụ lục được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh thống nhất thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.</p> <p>2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. Các bản</p>	<p><b>Điều 40. Ngày hiệu lực</b></p> <p>1. Quy chế này gồm <b>XI chương, 40 Điều</b> được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh thống nhất thông qua <b>ngày ... tháng ... năm 2021</b> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.</p> <p>2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. Các bản</p>	<p>-</p>

<p>sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người được uỷ quyền.</p> <p>3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.</p>	<p>sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người được uỷ quyền.</p> <p>3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.</p>	
---	---	--

**Lưu ý:**

***- Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.***